TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông B9ùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuần

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 24-5-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh P ngày 07-3-2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ khoảng năm 2019 thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, nguyên nhân là do hai bên có lối sống khác biệt nhau, không tin tưởng nhau về tình cảm, kinh tế, trong cuộc sống vợ chồng, anh Hùng thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ con, anh H không chịu làm ăn lo cho gia đình vợ con mà thường xuyên chơi bời,

khi chị có khuyên giải thì anh H không thay đổi phong cách sống mà còn có lời lẽ thiếu tôn trọng chị, đánh chị. Từ khoảng tháng 01-2020 đến nay chị và anh H đã sống ly thân nhau, chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở Khu L, xã X, huyện Y, tỉnh P sinh sống, hai bên không còn trách nhiệm vợ chồng với nhau. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh H nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hùng.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 31-7-2011 và Bùi Nam Khánh, sinh ngày 03-9-2014. Từ khi chị và anh H sống ly thân với nhau, cháu V và cháu K đều ở với anh H cuộc sống ổn định nên khi ly hôn chị để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị sẽ tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09-6-2023, bị đơn là anh Bùi Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận nội dung trình bày của chị K về thời gian, điều kiện kết hôn; con chung và tài sản chung. Anh trình bày thêm, do mâu thuẫn tình cảm vợ trồng đã trầm trọng nên hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị Kiều đã về sống tại Khu L, xã X, huyện Y, tỉnh P. Không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị K đề nghị xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị K có 02 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 31-7-2011 và cháu Bùi Nam K, sinh ngày 03-9-2014. Từ khi anh và chị K sống ly thân với nhau, cháu Việt A và cháu K đều ở với anh, cuộc sống của các cháu ổn định, chị K cũng không đến thăm con và không có trách nhiệm với con cái. Hiện nay, anh làm nghề lao động tự do (lắp đặt đường điện, nước), có thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh tự thỏa thuận với chị K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị K và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011. Từ khoảng đầu năm 2017, cuộc sống hôn nhân của chị K và anh H không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Từ khoảng năm 2018 đến nay, chị K và anh H không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau; cháu Việt A và cháu K đều ở với anh H được chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Hiện nay, anh H làm nghề lao động tự do (lắp đặt đường điện, nước), có thu nhập ổn định. Cháu Việt A và cháu K đều có nguyện vọng ở cùng anh H sau khi chị K và anh H ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử thực hiện đều hợp pháp, tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị K với anh Bùi Văn H; giao con chung Bùi Việt A và Bùi Nam K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Bùi Văn H, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị K và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh P, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 07-3-2011. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Sau khi kết hôn, từ năm 2018 đến nay cuộc sống chung của chi K và anh H không được hoà thuận, hạnh phúc. Chị K và anh H đã sống ly thân, mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn H có 02 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 31-7-2011 và Bùi Nam K, sinh ngày 03-9-2014. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị K và anh H sống ly thân, cháu Việt A và cháu K chung sống ổn định cùng anh H và đều được chăm sóc chu đáo; anh H có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy các con. Cháu Việt A và cháu K đều có nguyện vọng được ở với anh H. Nên cần tiếp tục giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị K và anh H đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị K được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cả hai con chung Bùi Việt A, sinh ngày 31-7-2011 và Bùi Nam K, sinh ngày 03-9-2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002706 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hải Phòng, chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị K và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND xã X, huyện Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Quyết **Đinh Xuân Nhuần** **Vũ Trọng Đạt**